

LUẬN LẬP THỂ A TỶ ĐÀM

QUYỂN 2

Phẩm 5: TƯỢNG VƯƠNG LẬU XÀ KỶ LỢI

Núi Chu-la-ca-la cao một Già-phù-đa rưỡi, chiều rộng cũng vậy, ở giữa cũng như vậy. Núi Ma-ha-ca-la cao ba Già-phù-đa rộng cũng vậy, ở giữa cũng như vậy. Núi Cù-ha-na cao một do tuần rưỡi, bề rộng và ở giữa cũng như vậy. Núi Tu-la-bà-ha cao ba do tuần, chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy. Núi Kê-la-bà cao sáu do tuần, chiều rộng và ở giữa cũng như vậy. Núi Càn-đà-ma-đà cao mười hai do tuần, chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy. Núi Tu-bàn-na-bàn-sa cao hai mươi bốn do tuần, chiều rộng và ở giữa lại cũng như vậy. Núi Tu-bàn-na-bàn-sa vào mùa trăng thu, trời tạnh không mưa, ánh sáng vàng vạc rộng khắp. Lại có những người ở gần Tuyết Sơn, tụ hội trên đất bằng của núi cao vào tháng tư, gọi nhau đến nhìn ngắm lên trời, đi đến đỉnh núi Ma-ha-ca-la ngưỡng nhìn về phía Bắc, xa thấy ở núi kia ánh sáng vàng vạc, do tướng ấy nên nói là núi Tu Di, nay ta đã thấy trên trời. Phía Bắc núi Tu-bàn-na-bàn-sa này có chỗ cao nhất, lại có hồ lớn tên là Mạn-đà-cơ-ni, dài năm mươi do tuần, nước trong hồ ấy trong vắt, mát ngọt. Hoa sen trong ấy đều có cành, ngó, củ đầy đủ; đáy hồ và bờ của hồ đều làm bằng bạc, vàng, thủy tinh, lưu ly. Bực thêm, nhà cửa làm bằng bốn báu, thành lũy ở ngoài cùng của hồ là làm bằng bạc, tuần tự vây quanh. Nước trong cùng hài hoà với màu sắc các báu, bốn bên của hồ có bốn đường bực thêm thông với cả đáy nước, được làm bằng bốn báu, phía Đông và Nam của hồ thẳng đến núi. Núi ấy có hang động tên là Nan-đà, có chiều dài là năm mươi do tuần, chiều rộng là mười do tuần, hang động ấy đều làm bằng lưu ly bằng láng khả ái, tựa như cung điện, không đồng với sắc các báu, các kiểu hình tượng tự nhiên được khắc họa, như thảm trải nền dệt bằng lông. Người vật, cây cỏ, không có gì mà chẳng đầy

đủ. Sắc tướng của hang động ấy cũng lại như vậy, như người trang sức lộng lẫy bằng bảy báu trang nghiêm. Sắc tướng của chỗ đất này cũng là như vậy, tất cả lưu ly bằng láng khả ái, vô số sắc báu nếu chân dẫm lên thì liền in vào, nếu giở chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông mềm mịn và bông đầu-la, đất ở động ấy mềm mịn cũng lại như vậy. Hang động Nan-đà này lúc dẫm lên thì chân chìm xuống, lúc giở chân lên thì đã vào trong cung điện. Số lượng cung điện không phải một, hoặc có kim đường, hoặc có ngân đường, pha lê, lưu ly đường cũng như vậy, hoặc do bốn báu hợp thành. Các cung điện này đều là chỗ ở của Tượng vương. Hồ của hang động nằm ở giữa, có chỗ tối thẳm, có cây Nặc-cù-đề-vương tên là Thiện Lập, gốc rễ cành nhánh, tàng lá đều có đầy đủ, hình dáng đáng yêu; lá của cây này dày đặc, không rụng, gió mưa không xâm tổn, như vòng hoa trang sức tuyệt diệu ở thế gian và trang sức các báu lộng lẫy, cũng như cái dù lọng cao thấp che nhau. Hình dáng cây này cũng là như vậy, cao một do tuần, cành rủ xuống như cột trụ, số cành đúng tám nghìn, cành rủ xuống đều dựng vào đất nên gọi là Thiện lập. Ngoài góc hồ phía Tây nam có chỗ tối thẳm, có cây Sa-la-vương, gọi là Thiện kiến. Cây này có cành nhánh, tàng lá đều đầy đủ, hình dáng đáng yêu; lá của cây này dày đặc, không rụng, gió mưa không thể tổn hại, như vòng hoa trang sức tinh xảo và vòng đeo tai bằng các báu ở đời, cũng như tàng lọng trên dưới che nhau. Hình dáng cây này cũng lại như vậy, cao một do tuần, thân cây to lớn đến nửa do tuần, mỗi phương hướng đều có cành lá. Kích cỡ thân cây này có đường kính đến năm tầm, chu vi mười lăm tầm, cành nhánh đâm ra các hướng đến nửa do tuần. Lại nữa, ngoài cây ấy còn có rừng cây Sa-la, cao thấy vừa phải, bảy lớp vây quanh, cành lá che nhau, ngoài nhìn vào như một. Lớp cây phía trong chu vi mười ba tầm, mỗi lớp tuần tự như vậy giảm dần một tầm, lớp cây ngoài cùng có chu vi bảy tầm; lớp phía trong là cao nhất, tuần tự thấp dần từ lớp trong ra lớp ngoài cùng. Hình dáng cây ấy có gốc cành, nhánh tàng đều đầy đủ, dáng vẻ đáng yêu. Lá của cây này dày đặc, không rụng, gió mưa không thể xâm tổn, như vòng hoa và vành tai các báu trang sức tinh xảo ở đời, cũng như tàng lọng trên dưới che nhau, hình dáng cây này cũng lại như vậy. Cành khô lá úa, nếu lúc đi rụng xuống, thì vì cây đã dày đặc nên rơi trượt ra ngoài rừng. Bên ngoài rừng ấy, thông ra bốn phía, tựa như hình cửa nhà. Đất dưới cây này được cát bằng vàng che lấp, nước hương tưới vào, đốt các danh hương, tán các loại hoa, treo áo các báu. Ở dưới cây này là hoa Sa-la cùng với các loại hoa che phủ đất ấy thật là đáng yêu. Tượng vương Lâu-xà-kỳ-lợi

ấy thường ở chỗ này. Thân của nó toàn trắng, bảy chi chống đất, đầy đủ sáu ngà, tùy ý biến hóa, có đại oai thần, có đại uy đức. Mỗi mỗi lớp vây quanh của nó, có tám nghìn con voi vây quanh, lớp thứ nhất là voi đực trắng, lớp thứ hai là voi cái trắng, lớp thứ ba là voi đực vàng, lớp thứ tư là voi cái vàng, lớp thứ năm là voi đực đỏ, lớp thứ sáu là voi cái đỏ, lớp thứ bảy là voi đực xanh, lớp thứ tám là voi cái xanh; ngoài ra còn có voi đực đen, voi cái đen không ở trong số vây quanh này. Tượng vương này đến hồ Mạn-đà-ơ-ni, lúc voi tự tắm rửa, các voi đen bên ngoài dẫn nhau đến phòng hộ ở các cồn đảo nhỏ. Đã phòng hộ rồi, lúc ấy, Tượng vương được các voi vây quanh đi đến chỗ hồ nước. Các voi cái trắng vây quanh ấy kích Tượng vương vào hồ nước tắm, chúng lấy nước của hồ tẩy rửa thân Tượng vương, hoặc đến rửa mặt, hoặc đến rửa tai, khắp cả thân thể đều như vậy. Lúc Tượng vương tắm, các voi này hái nhiều loại hoa dùng làm vòng hoa, dâng Tượng vương, hoặc làm vành tai, hoặc làm anh lạc, vô số thứ trang sức lạ thường trang nghiêm thân Tượng vương. Đã tắm rửa xong, từ hồ lên bờ, đến dưới cây Nặc-cù-đề phơi thân cho khô ráo. Trong thời quá khứ, ở chỗ này có một thợ săn bắn chết Tượng vương. Vì vậy trong đây rộng nói: “Kinh Bồ tát Tích Bồ Sinh”. Lúc ấy, các voi con tùy theo thứ tự sắc mầu của nó mà cùng vào hồ tắm, tắm xong thì đi đến dưới cây vây quanh Tượng vương; còn voi đen thì vào hồ tắm sau cùng, nó nhổ lấy gốc sen, ngó sen để tẩy rửa, khiến cho thân được sạch sẽ rồi trở về dưới gốc cây. Voi đực đen ấy đưa biểu thức ăn cho voi cái đen, voi cái đen dâng biểu cho voi đực xanh, voi đực xanh dâng biểu cho voi cái xanh, voi cái xanh dâng cho voi đực đỏ, voi đực đỏ đưa cho voi cái đỏ, voi cái đỏ dâng cho voi đực vàng, voi đực vàng dâng cho voi cái vàng, voi cái vàng dâng cho voi đực trắng, voi đực trắng đưa cho voi cái trắng, voi cái trắng dâng cho đại Tượng vương để cho Tượng vương ăn. Tượng vương ăn xong, dùng thức ăn ngó sen còn dư ấy cứ theo tuần tự mà phân phát cho chúng tượng; chỉ trừ voi đen, nếu thức ăn không đủ thì voi đen liền đến hồ hái thêm ngó sen ấy để cho được đầy đủ. Voi đen này chỉ ăn tại hồ. Các voi khác ăn ngó sen này xong thì thành thân bảy phần, còn nếu ăn cây cỏ, các loại lá cây thì thành phân, nước tiểu. Nếu các voi nào đi ra phân và nước giải thì bị sai khiến, quét dọn cùng với voi đen; việc dâng thức ăn cũng vậy. Bạch Tượng vương này vào tháng tư thì ở trong động Nan-đà, tháng tám vào mùa xuân, mùa đông thì ở dưới cây Sa-la Vương Thiện Kiến. Sau đó, Tượng vương cũng thường ở tại động Nan-đà này, ban ngày thì đến ở dưới cây Sa La Vương Thiện Kiến. Lúc ăn và tắm xong đều ở dưới cây

Nặc Cù Đề. Làm sao biết điều này? Vì thuở xưa, Tịnh mạng Đại Trí Xá-lợi-phất thân mang phong bệnh, thầy thuốc nói: “Bệnh này của Đại Đức phải ăn ngó sen mới có thể trị khỏi”. Lúc ấy có Tịnh mạng thần thông Mục Liên vào thuở xưa đã từng thấy ngó sen này rồi nên liền nói với Đại Đức Xá-lợi-phất như vậy: “Tôi đến đó lấy ngó sen ấy đem về đây”. Mục Liên liền dùng thần thông đến bên Kim Sơn và suy nghĩ như vậy: “Tượng vương này có đại uy đức, có đại thần thông, có tâm kiêu mạn, cho nên quyết phải làm cho Tượng vương kinh sợ”. Mục Liên liền hoá thân làm một con Đại Tượng cao to, chiều dài gấp đôi Tượng vương. Lại hoá làm chúng tượng quyến thuộc có thân hình, số lượng gấp đôi chúng tượng kia, vây quanh đầy đủ trước Tượng vương và bay từ trên không trung đáp xuống. Lúc Bạch Tượng vương thấy việc này rồi lòng đầy kinh ngạc, thân sồn gai ốc, suy nghĩ như vậy: “Có Tượng vương khác từ nơi khác đến, có thần thông, uy đức, thân hình, số lượng đều gấp bội ta, nay sẽ đuổi ta và đoạt lấy chỗ này. Lúc ấy, Tịnh Mạng Mục Liên biết được sự lo sợ này và thấy tướng của nó khác lạ nên liền xả việc hoá hiện thần thông đến nơi chỗ khác ngồi kiết già. Bạch Tượng vương này thấy việc ấy rồi liền suy nghĩ: “Chẳng có Tượng vương nào khác, là Đại Tỳ-kheo”. Lúc ấy Tượng vương tự hoá thân làm Đồng tử cõi trời, dùng vàng báu cõi trời trang sức hai cánh tay, dùng mũ trời, vành tai bằng ngọc, anh lạc các báu để trang nghiêm thân Tỳ-kheo. Lúc Mục Liên ngồi thẳng chánh niệm thì Thiên Đồng tử im lặng chấp tay năm vóc gieo sát đất, kính lễ Đại Đức. Lúc ấy, Mục Liên nói với Tượng vương: “Này Trưởng lão Tượng vương! Người có đại thần thông, đại oai đức khó ai bì kịp”. Tượng vương đáp: “Bạch Đại Đức! Con là súc sinh, có thần lực gì đâu, có oai đức gì đâu! Thánh Sư đến đây cần sai bảo gì”. Mục Liên đáp: “Ta muốn có ngó sen ở hồ”. Lúc ấy Tượng vương liền sai bảo voi đen: “Người hãy đi lấy ngó sen theo như ý của Đại Đức”. Voi đen liền vào hồ, lấy ngó sen rồi rửa, bó lại và cho một con voi chở trên lưng theo Đại Đức Mục Liên bay trên không mà đi. Mục Liên mang về đến khi cho các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thọ lấy ngó sen này. Vì vậy từ xưa cho đến nay gọi chỗ này là Tượng Hạ Chi Đề, lại còn gọi là Tống Ngẫu Chi Đề, cũng gọi là Thọ Ngẫu Chi Đề. Đại Đức Xá-lợi-phất ăn ngó sen này rồi, bệnh liền khỏi hẳn. Lúc Xá Lợi Phất qua khỏi bệnh rồi, đến Bát Niết-bàn, thân không bệnh nảo, các Tỳ-kheo khác cũng cùng ăn ngó sen. Ngó sen này hình dạng đáng yêu, mùi vị đậm đà, ngọt ngào như mật ong không hề cay, đắng, dài, ngắn, vuông, tròn, ngang, dọc đều là một xịch, mỗi một cọng như vậy

chiết ra nước dịch đầy cả một bát. Có một Tỳ-kheo khác dùng thần thông đi đến bên núi Kim Sơn, thấy sự việc như vậy nên trở về hỏi về vấn đề này. Lúc ấy Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói về nhân duyên này, cho nên mới biết được những sự việc như thế.

Phẩm 6: TỬ THIÊN HẠ

Lúc bấy giờ, Đức Phật thuyết về Thiên hạ có bốn: Một là Diêm-phù-đề, hai là Tây Cù-da-ni, ba là Đông Phất vu-đãi, bốn là Bắc Uất đơn-việt.

Các Tỳ-kheo bạch Đức Phật: “Bạch Thế Tôn! Cõi Diêm-phù-đề này có đất dường như rất lớn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Cõi Diêm-phù-đề rất lớn, vùng biên địa phía Đông rộng đến hai nghìn do tuần, hai phía Tây và Bắc, mỗi một bên rộng hai nghìn do tuần, vùng biên địa phía Nam chỉ có ba do tuần, chu vi tất cả là sáu nghìn ba do tuần, hình thế của nó như bánh xe. Chúng sinh sinh trên đất này có khuôn mặt tự như địa hình. Cõi Diêm-phù-đề này có đủ núi và sông, ở giữa núi là sông, có các đất nước xen kẽ ở trong đó”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Cõi Tây-Cù-da-ni có hình thế dường như rất lớn.

Đức Phật bảo: “Này các Tỳ-kheo! Tây-Cù-da-ni rất lớn, rộng đến hai nghìn ba trăm ba mươi ba một phần ba do tuần, chu vi là bảy nghìn do tuần, địa hình tròn, có sông mà không có núi, ở giữa các sông lập các quốc thổ. Nhân dân ở đó giàu vui, không có trộm cắp, nhiều người hiền thiện trong đó.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Cõi Đông-Phất-tỳ-đề có địa hình dường như rất rộng lớn.

Phật bảo: “Này các Tỳ-kheo! Đông Phất-tỳ-đề rộng lớn, bề rộng hai nghìn hai trăm ba mươi ba một phần ba do tuần, chu vi là ba nghìn do tuần, địa thế hình tròn giống như trăng rằm, có nhiều núi đồi mà chỉ có một con sông, ở giữa các núi, an trí các nước. Nhân dân trong đó giàu vui, không có trộm cắp, các người hiền thiện đầy khắp trong các nước ấy. Tất cả các núi đều là vàng báu, rìu búa, cày cuốc và các khí vật khác đều là vàng thật. Có một con sông trong cõi đó tên là Tát-xà, sông ấy hai bên bờ đều rất đáng yêu. Có một Tịnh mạng tên là Tân-đầu-lô ở bên bờ sông làm Tăng-già-lam. Làm sao biết được các việc như vậy? Thuở xưa, ở nước Ba-la-nại, có một Tỳ-kheo và một Sa-di đều có đủ thần thông. Họ từ nước Ba-la-nại đi xuống Đông-tỳ-đề. Lúc ấy Sa-di

này lấy một viên đá muốn mài thành kim. Sa-di này liền cầm đá này trở về nước Ba-la-nại, an trí trong chùa, ngay trong đêm ấy viên đá phóng ánh sáng lớn.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo bảo Sa-di: “Người hãy đem đá này trở về lại nước kia”.

Sa-di liền làm theo lời Tỳ-kheo, liền mang đá này ném xuống trong nước sâu của sông Ba-la-nại. Lúc ấy, dòng sông này tỏa ánh sáng lớn, tất cả cá, rùa, các loại dưới nước ... đều hiện ra rõ ràng. Nhân dân trong nước ấy đều đua nhau đi đến xem, các đường lớn, đường nhỏ đều đầy khắp, không có lối đi, họ đều cho đó là Rồng hiện đại thân lực.

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo cùng với Sa-di này lúc sáng sớm vào thành khất thực, thấy dân chúng nhiều vô số kể tụ tập bên sông, cửa thành tắc nghẽn, trở về khó được. Vị Tỳ-kheo mới hỏi Sa-di: “Người đem viên đá trước kia ấy ném vào chỗ nào?” Sa-di đáp: “Thưa Đại Đức! Con ném viên đá này xuống dòng sông sâu”.

Vị Tỳ-kheo bảo với Sa-di: “Người hãy đem viên đá này trở về chỗ cũ của nó”.

Lúc ấy, vị Sa-di liền theo lời thầy, ở trước mọi người, vào nước sông sâu mà lấy lại viên đá này, áo y không ướt, bay lên hư không mà đi. Lúc mang về lại chỗ cũ, các Tỳ-kheo trở về nước kia số nhiều vô lượng và cùng nói lại như vậy.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn mới vì các Tỳ-kheo mà giảng nói về nhân duyên này, cho nên mới biết được việc này.

Lúc ấy, Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Cõi nước Bắc Uất-đơn-việt dường như rất rộng lớn.

Phật bảo: “Này Tỳ-kheo! Cõi nước Bắc Uất-đơn-việt rất rộng lớn, phía Đông dài hai nghìn do tuần, phía Tây dài hai nghìn do tuần, phía Nam và phía Bắc cũng như vậy. Chu vi là tám nghìn do tuần, thành quách vây quanh làm bằng núi vàng, đất bằng hoàng kim, ngày đêm thường sáng tỏ.

Cõi Uất-đơn-việt này có bốn loại đức:

Một là bằng phẳng,

Hai là yên lặng,

Ba là trong sạch,

Bốn là không có gai nhọn.

Bằng phẳng nghĩa là trong quốc độ kia không có hầm hố, không có hang vực, không có chỗ tù đọng, không có chỗ cao, không có chỗ thấp, không có bùn lầy cho nên gọi là bằng phẳng. Yên lặng nghĩa là

trong quốc độ ấy không có sư tử, hổ báo, gấu, độc xà, ong, bọ cạp có thể hại đến người, cho nên gọi là yên lặng. Trong sạch nghĩa là dưới mặt nước ấy không có tử thi, rắn chết, chó chết, và các vật bất tịnh. Nếu nhân dân ở đó lúc đại tiểu tiện thì đất nứt ra và nhận lấy, nhận rồi trở lại như cũ nên gọi là trong sạch. Nước ấy không có gai nhọn, nghĩa là trong quốc độ ấy không có cây, có gai nhọn đâm ra, không có cây có mùi hôi nên gọi là không có gai nhọn. Trong đó có cỏ tên là Xa-tỳ, sắc của nó màu tím thắm, hình dạng thật đáng yêu, như cỏ con chim khổng tước, lúc chạm vào rất mềm mại, như áo Ca-chân-lân. Ca-chân-lân là áo không hề nhiễm bẩn, mùa hạ thì mát, mùa đông thì ấm; lại như áo A-thời-na đốt không hề cháy. Cỏ này chạm tay vào rất mềm mịn cũng như vậy. Cỏ Xa-tỳ này che khắp mặt đất cõi này, bốn mùa không héo, dài chỉ bốn thốn. Các con sông của đất nước ấy có nước tám công đức, hai bờ sông và đáy đều trải cát vàng thật, nước ấy thường chảy, không hề tăng giảm, bờ đê bằng vàng kiên cố, không bao giờ lay đổ.

Đức Phật thuyết như vậy.

Lúc ấy, Phật bảo: “Này Tỳ-kheo! Chỗ trú của chim Ca-lâu-la là bốn châu. giữa hai châu là Đông Phất-tỳ-đề và Nam Diêm-phù-đề có châu Ca-lâu-la; ở giữa hai châu: Nam Diêm-phù-đề và Tây Cù-da-ni có châu Ca-lâu-la; ở giữa hai châu: Tây Cù-da-ni và Bắc Uất-đơn-việt có châu Ca-lâu-la; ở giữa hai châu: Bắc Uất-đơn-việt và Đông Phất-tỳ-đề có châu Ca-lâu-la là châu của chim. Châu này có chu vi một nghìn do tuần, có hình tròn, tất cả chim đều bay đậu trong rừng sâu. Chim Ca-lâu-la trú ở trong rừng, dưới nước của bên ngoài châu đều là trú xứ của loài rồng, rồng ở nơi đất này, giống như các loài chim kia tụ tập đến chờ ăn uống, đói thì bắt lấy rồng ăn. Chim Ca-lâu-la có tất cả bốn loại: một là hoá sinh, hai là thấp sinh, ba là noãn sinh, bốn là thai sinh. Tất cả các loài rồng cũng đều có bốn loại sinh ấy. Ca-lâu-la hoá sinh có thể ăn bốn loại rồng; Ca-lâu-la thấp sinh có thể ăn ba loại, trừ rồng hóa sinh ra, Ca-lâu-la noãn sinh có thể ăn hai loại sau; Ca-lâu-la thai sinh ăn một loại rồng sau cùng. Lúc chim này khi muốn ăn, hai cánh rẽ nước, nước rẽ ra hai bên cách nhau đến năm mươi do tuần, bắt lấy rồng rồi trở về trên cây mà ăn, thức ăn còn lại của chim giống như xương voi, ngổn ngang ở trên đất, cho nên ở bốn châu thường có mùi hôi. Ở giữa hai châu: Đông Phất-tỳ-đề và Nam Diêm-phù-đề là châu của chim Ca-lâu-la trú. Trong đó có cây tên là Khúc thâm phù-lưu, rễ, cành, nhánh, tán đều có đầy đủ, hình dáng rất đáng yêu. Lá của cây này dày đặc, lâu ngày chẳng úa, gió mưa không thể xâm tổn, như vòng hoa và bông tai các báu trang

sức tinh xảo ở đời; cũng như dù lọng trên dưới che nhau. Hình dáng cây này cũng lại như vậy, cao một trăm do tuần, dưới gốc to đến năm mươi do tuần, mỗi phương đều có cành lá, cành lá phân bố rộng khắp bốn phương đến một trăm do tuần. Gốc cây này đến năm do tuần, chu vi mười lăm do tuần. Ca-lâu-la vương tên là Tỳ-na-đề-da ở trên cây này. Còn Đại Long vương tên là Ma-na-tư lúc muốn vui đùa cùng với Điều vương thì bay lượn ra, lúc ấy Điều vương bắt lấy rồng này, đặt lên cành cây, nhưng giống Long vương này vốn rất to, lại còn biến hoá, có thể khiến cho thân dài hơn nữa. Điều vương bắt rồng về cây như vậy, thân rồng tùy theo đó mà dài ra, đầy khắp cả cây này. Thân rồng tuân tự như vậy mà chiếm hết cả cây, vì rồng này nặng nên cây bị gãy đổ. Lúc Điều vương biết được việc này mới thả rồng ra và suy nghĩ: “Rồng Ma-la-tư này làm hỏng chỗ ở của ta”. Lúc ấy Điều vương Tỳ-na-đề-da sinh lòng hối hận, lui về một chỗ khác, im lặng buồn rầu, còn rồng Ma-na-tư này mới có thể chứng tỏ mình. Lúc ấy Long vương lại biến làm đồng tử cõi trời, dùng kim bảo cõi trời trang nghiêm hai tay, đội mào trời, đeo bông tai bằng các báu, anh lạc trang sức thân mình để đi đến chỗ Điều vương mà nói như vậy: “Người gặp việc gì mà buồn rầu, khổ não, im lặng một mình, sinh lòng bất an vậy”.

Điều vương đáp: “Nay ta bị sự biến đổi, bị rồng Ma-na-tư làm hỏng chỗ ở của ta”. Đồng Tử đáp: “Này bạn lành! Nếu ông càng bắt rồng làm thức ăn thì không những tổn hại đến chỗ ở của ông mà còn mãi hại đến rồng khác, làm mất quyền thuộc. Khổ ấy thì sao? Nếu ông càng bắt rồng thì trú xứ nhất định sẽ không được an lập. Lúc đó, Long vương và Điều vương cùng đứng thể nguyên: không làm tổn hại nhau nữa, mãi mãi là bạn lành. Vì nhân duyên này nên gọi cây này là Khúc-thâm-phù-lưu. Bốn thiên hạ này có bốn điều châu có diện tích rất rộng cho nên nay nói mỗi một châu của nó có tám châu vây quanh: Ngưu châu, Dương châu, Lãng tử châu, Bảo châu, Thần châu, Hầu châu, Tượng châu, Nữ châu. Ngoài ra còn có bảy châu cũng là như vậy. Nghĩa này Đức Thế Tôn nói, tôi nghe như vậy.

Phẩm 7: SỐ LƯỢNG

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Phú-lâu-na: Này Tỳ-kheo! Đất thế giới này có hình tròn, như mâm đèn lồng, như bánh xe của thợ gốm. Đất của thế giới này cũng như vậy, giống như duyên với bên mâm đèn mà hưng khởi, núi Thiết Vi cũng như vậy. Ví như ở trong khay đèn, ở giữa vút cao lên, ở trong thế giới ấy có núi Tu Di cũng như vậy. Núi Tu Di

này do bảy báu làm thành, hình và sắc đáng yêu, bốn góc ngay thẳng, ví như ông thợ giỏi khéo dùng mực thước để làm thành trụ gỗ, hình thù của nó vuông, thẳng. Núi Tu Di này cũng như vậy, nửa hình của nó soi trong nước tám vạn do tuần, nửa hình trên mặt nước cũng tám vạn do tuần. Bốn bên của núi này, mỗi bên là tám vạn do tuần, chu vi là ba mươi hai vạn do tuần. Trong đó biển lớn là to nhất, tên gọi là Tu Di hải, sâu tám vạn do tuần, rộng bốn vạn do tuần, một bên dài mười sáu vạn do tuần, chu vi sáu mươi tư vạn do tuần. Ngoài biển có núi, núi ấy tên là Do-càn-đà. Núi này dưới mặt nước bốn vạn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, cũng rộng bốn vạn do tuần, mỗi một bên của núi này dài hai mươi bốn vạn do tuần, chu vi chín mươi sáu vạn do tuần. Biển ở ngoài khu vực này cũng gọi là Do-càn-đà, sâu bốn vạn do tuần, rộng cũng như vậy, một bên dài ba mươi hai vạn do tuần, chu vi hai mươi tám vạn do tuần. Ngoài biển có núi tên là Y-sai-đà, dưới mặt nước hai vạn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài ba mươi sáu vạn do tuần, chu vi một trăm bốn mươi vạn do tuần. Ngoài núi có biển cũng tên là Y-sai-đà, sâu hai vạn do tuần, rộng cũng vậy, mỗi một bên dài bốn mươi vạn do tuần, chu vi một trăm sáu mươi vạn do tuần. Ngoài biển có núi tên là Ha-la-trí, dưới mặt nước một vạn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi bốn vạn do tuần, chu vi một trăm bảy mươi sáu do tuần. Ngoài núi có biển tên là Ha-la-trí, sâu một vạn do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi sáu vạn do tuần, chu vi một trăm tám mươi bốn vạn do tuần. Ngoài biển này cũng có núi cùng tên là Tu-đăng-sa, dưới mặt nước năm nghìn do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi bảy vạn do tuần, chu vi là một trăm tám mươi tám vạn do tuần. Ngoài núi có biển tên là Tu-đăng-sa, sâu năm nghìn do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi tám vạn do tuần, chu vi một trăm chín mươi hai vạn do tuần. Ngoài biển cũng có núi tên là A-sa-thiên-na, dưới mặt nước là hai nghìn năm trăm do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi bên dài bốn mươi tám vạn năm nghìn do tuần, chu vi một trăm chín mươi vạn do tuần. Ngoài núi lại có biển cũng tên là A-sa-thiên-na, sâu hai nghìn năm trăm do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn do tuần, chu vi một trăm chín mươi sáu vạn do tuần. Ngoài biển cũng có núi tên là Tỳ-na-đa, dưới mặt nước là một nghìn hai trăm năm mươi do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn hai nghìn năm trăm do tuần, chu vi một trăm chín mươi bảy vạn do tuần. Ngoài biển cũng có

núi tên là Tỳ-na-đa, dưới mặt nước là một nghìn hai trăm năm mươi do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn hai nghìn năm trăm do tuần, chu vi là một trăm chín mươi bảy vạn do tuần. Ngoài núi có biển cũng tên là Tỳ-na-đa, sâu một nghìn hai trăm năm mươi do tuần, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn năm nghìn do tuần, chu vi là một trăm chín mươi tám vạn do tuần. Ngoài biển có núi tên là Ni-dân-đà, dưới mặt nước là sáu trăm hai mươi lăm do tuần, trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn sáu nghìn hai trăm năm mươi do tuần, chu vi là một trăm chín mươi tám vạn năm nghìn do tuần. Ngoài núi ấy cũng có biển tên là Ni-dân-đà, sâu sáu trăm hai mươi lăm do tuần, rộng cũng vậy, mỗi một bên dài bốn mươi chín vạn bảy nghìn năm trăm do tuần, chu vi là một trăm chín mươi chín vạn do tuần. Ngoài biển mặt cũng có núi tên là Thiết-vi, dưới mặt nước ba trăm mười hai do tuần rưỡi (312,5), trên mặt nước cũng vậy, rộng cũng như vậy, chu vi ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi do tuần. Từ lãnh địa núi Ni-dân-đà đến lãnh địa núi Thiết-vi là ba ức sáu vạn ba nghìn hai trăm tám mươi tám do tuần. Từ mé biển Ni dân đà đến mé núi Ni-dân-đà là ba ức sáu vạn hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba do tuần. Từ cõi Nam Diêm-phù-đề đến núi Thiết vi là ba ức sáu vạn sáu trăm sáu mươi ba do tuần. Từ trung ương cõi Diêm-Phù-Đề đến trung ương Tây Cù-da-ni là ba ức sáu vạn sáu nghìn do tuần. Từ phía Bắc cõi Nam Diêm-phù-đề đến phía Bắc cõi Bắc Uất-đơn-việt là bốn ức bảy vạn bảy nghìn năm trăm do tuần. Từ cực Tây vùng nước của núi Thiết vi này đến vùng nước của núi Thiết Vi kia phải vượt qua mười hai ức hai nghìn tám trăm hai mươi lăm do tuần. Vùng nước của núi Thiết vi có chu vi bốn mươi sáu ức tám nghìn bốn trăm bảy mươi lăm do tuần. Từ bên đỉnh núi Tu Di này đến bên đỉnh núi Tu Di kia là mười hai ức ba nghìn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ trung ương của núi Tu Di này đến trung ương của núi Tu Di kia là mười hai ức tám vạn ba nghìn bốn trăm năm mươi do tuần. Từ gốc của núi Tu Di này đến gốc của núi Tu Di kia là mười hai ức ba nghìn lẻ mười lăm do tuần. Nghĩa như vậy là đức Thế Tôn tuyên dạy, tôi đã nghe như vậy,

Phẩm 8: TRÚ XỨ CỎI TRỜI

Phật bảo Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Núi Tu Di vương này đều có bốn bên Đông, Tây, Nam, Bắc. Phía Đông của núi ấy làm bằng chân kim, phía Tây làm bằng bạch ngân, phía Bắc làm bằng lưu ly, phía Nam bằng pha lê, tất cả các bên ấy đều do các báu làm thành. Núi Tu Di này

có đầy đủ bẩy tính, ở trung ương trên cùng của đỉnh núi là bằng phẳng, chỗ đẹp nhất là Đại thành Thiện kiến của cung trời Đao lợi, có chu vi là mười nghìn do tuần, thành vây quanh làm toàn bằng vàng, cao một do tuần, bức tường thấp trên thành cao nửa do tuần, cửa cao hai do tuần, bên ngoài có cửa kép cao một do tuần rưỡi, trong mỗi một do tuần có một cửa. Bốn mặt của thành là một nghìn cửa lầu, các cửa thành này làm bằng các báu và vô số Ma-ni dùng để trang sức, ví như đất phía Bắc tuyệt đẹp, mềm mịn; tất cả cõi nhân, phi nhân... rồng, thú, cây, cỏ và các loài hoa, không gì mà không có, cũng như sự trang nghiêm bằng các báu lộng lẫy đầy đủ. Các cửa thành này cũng như vậy, hoặc có tất cả các tướng chúng sinh, vô số cây cỏ và các loài hoa cùng trang nghiêm ở ngoài. Hai bên cửa thành này được trang nghiêm bằng tượng quân, trang nghiêm bằng mã quân, trang nghiêm bằng xa quân. Trú trong thành này là các Thiên tử cầm tích tượng đứng trang nghiêm, tụ tập trong ấy để bảo vệ đất nước, để nhìn ngắm, để trang nghiêm. Bốn bên ở ngoài thành là hàng tường rào bẩy lớp bằng châu báu vây quanh: lớp trong cùng làm bằng chân kim, lớp tiếp làm bằng bạch ngân, lớp thứ ba bằng lưu ly, lớp bốn bằng càn pha lê, ba lớp ngoài cùng làm bằng các báu. Bên ngoài bẩy lớp này là cây Đa-la có bẩy lớp vây quanh: lớp cây trong cùng có gốc bằng chân kim, lớp tiếp là bạch ngân, lớp ba bằng lưu ly, lớp bốn bằng pha lê, ba lớp ngoài cùng có gốc bằng các báu. Cây Đa-la chân kim là có bạch ngân, lưu ly, pha lê, các báu làm hoa và lá, quả cũng như vậy. Cây Đa-la bằng bạc có hoàng kim, lưu ly, càn pha lê báu làm hoa và lá, quả cũng như vậy. Cây Đa-la lưu ly có vàng, bạc, pha lê làm hoa, quả và lá. Cây Đa-la pha lê có vàng, bạc, lưu ly làm hoa, quả và lá. Hoa, lá và quả của ba lớp ngoài cùng đều làm bằng các báu. Cây Đa-la này lúc gió nhẹ thổi, cây lay động phát ra âm thanh tuyệt diệu, có thể làm cho chúng sinh khởi năm triền phược:

Một là sinh khởi ái,
 Hai là khởi ràng buộc,
 Ba là khởi mê loạn,
 Bốn là sinh chấp trước,
 Năm là không lìa chán.

Như năm phần âm thanh, như năm âm cùng phối tấu của nhạc sư tinh diệu có thể làm khởi năm loại dục tâm của chúng sinh, âm thanh của cây này cũng như vậy. Ở giữa bẩy lớp cây ấy, mỗi nơi đều có ao hoa các báu, chiều dài rộng một trăm cung (tên) cõi trời, thiên thủy tràn đầy, bốn báu làm thêm bụi, cấu trúc cảnh quan, thành quán, bờ đá

đều làm bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Bốn bên của ao ấy có đường và bậc thêm cũng được làm bằng gạch bốn báu. Trong mỗi một ao có vô lượng hoa, do năm báu làm thành là: vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha, ha-lê-đa. Trong các ao này có thuyền bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê trôi bồng bênh trong đó; lại có đủ tám loại thủy hý: một là nhảy vào thủy lâu, hai là dùng nước bảy báu nhuần đượm rưới lên thân, ba là dùng vật chặn nước để tạo ra âm nhạc, bốn là dùng nước bắn tung tóe để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe chim báu, tám là dây tơ tự quấn quanh và đong đưa. Trong đó Chư Thiên nam, nữ chèo thuyền du hý, lúc ấy thuyền báu tùy theo ý muốn mà nhanh hay chậm. Chư Thiên nam, nữ nếu có khởi ý: mong muốn đến ở chỗ đó, thì thuyền đến chỗ đó. Chư Thiên này nếu có tác ý: “Ta muốn đến chỗ hoa kia hái hoa, thì quả báo trong đó liền tự đến, tự nhiên gió nổi lên thổi các danh hoa, biến khắp Chư Thiên, lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm thân và đầu, hoặc làm mũ báu, hoặc làm anh lạc, hoặc làm thủ ấn, cho đến dây thắt lưng, hoặc làm kiềng đeo chân. Bốn bên của bờ ao có năm loại cây báu: một là vàng, hai là bạc, ba là lưu ly, bốn là pha-lê-kha, năm là A-lê-đa hàng giữa cây ấy có cung điện các báu do năm báu làm thành. Các Chư Thiên nam nữ ở trong đó, bên ngoài thành ấy có rất nhiều Chư Thiên đầy khắp quốc độ. Bên ngoài cây Đa-la có ba lớp hào báu, mỗi một hào ấy rộng hai do tuần, sâu một do tuần rưỡi, phía dưới rộng hơn trên, có chỗ như miệng cái bầu. Ở trong hào ấy, thiên thủy chứa đầy, cũng có dùng gạch bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, và pha-lê-kha làm thành. Bốn bên của hào ấy cũng dùng gạch bốn báu để làm đường và thêm bậc. Trong mỗi một hào lại có vô lượng các hoa bốn báu, có thuyền bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành, bồng bênh trong đó. Lại có tám loại khí cụ thủy hý (vui chơi trong nước): một là nhảy vào thủy lâu, hai là dùng nước bảy báu rưới lên (thân): ba là dùng vật chặn nước để tạo âm nhạc, bốn là dùng nước bắn tung tóe để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe chim báu, tám là dây tơ tự quấn quanh và đong đưa. Chư Thiên nam nữ trong đó chèo thuyền vui chơi, các thuyền báu này tùy theo ý muốn mà đi nhanh hay chậm. Chư Thiên này nếu khởi ý: “Muốn đến chỗ kia”, thì thuyền liền đến chỗ kia. Chư Thiên này nếu khởi ý: “Ta muốn hái hoa kia hãy đến chỗ ta”. Thì do quả báo tự nhiên trong đó hoa liền tự đến, gió nổi lên thổi các danh hoa đầy khắp Chư Thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa trang nghiêm thân và đầu, hoặc làm mũ báu, hoặc làm anh lạc, hoặc làm thủ ấn, dây thắt lưng và kiềng đeo chân

cũng như vậy. Ở giữa hào có cung điện các báu, là chỗ trú của các thể nữ cõi trời. Ở trong các cung đường ấy có đặt các chậu báu, trong mỗi chậu có trồng hoa cỏ có năm màu sắc khác nhau, mỗi đều có hàng lối thẳng tắp. Ngoài ba lớp hào ấy có cây bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, sắc báu liên hoa, luy thạch, pha lê-đa... vây quanh. Trong rừng cây này khắp nơi đều có ao sen bảy báu, thiên thủy chứa đầy, cho đến du hí thuyền báu và các cung điện. Chỗ ở của nam nữ Thiên chúng có rất nhiều và Chư Thiên đầy khắp quốc độ cũng nói như trên. Lúc này, ngoài hào, các cây bảy báu nở ra hoa bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê cho đến pha lê-đa.... Trong rừng cây này, các Thiên nữ... tấu nhạc hát ca, vô lượng Thiên tử từ Đại thành đi ra vào rừng thưởng thức. Trong thành ấy, các Thiên tử tấu nhạc hát ca, các Thiên nữ bên ngoài cũng đi vào thành thưởng thức, nhân thế đến đi vui chơi rất thuận tiện. Thành vàng ở trung ương là một phần tư của Đại thành, đây là trú xứ của Đế Thích, Mỗi mười do tuần có một cửa, bốn mặt có bốn trăm chín mươi chín cửa, lại có một cửa nhỏ nữa, tất cả là năm trăm cửa. Hình dáng thành này cũng được vô số vật trang nghiêm: bảo vệ bằng bốn bình, tường rào, hào, cây, ao, rừng, cung điện, tấu nhạc hát ca và các chỗ vui chơi bên ngoài như đã nói ở trước. Ở giữa thành này là chỗ trú của Thích Đề Hoàn Nhân, có trùng các lầu báu tên là Bì Thiên Diên Đa, dài năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần, chu vi một nghìn năm trăm do tuần, trụ cao chín do tuần, do bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành, bốn loại gạch báu dùng làm nền trụ. Bốn phương của lầu ấy có bốn đường thêm bậc, tất cả các vạch đều do bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê làm thành, có ba tầng vỏ bọc duy trì bao quanh, tầng một là chân kim, tầng hai là bạch ngân, tầng ba là lưu ly. Mỗi một tầng ấy có ba lớp linh báu, gió nhẹ thổi đến lay động xuất ra âm thanh vi diệu, ví như năm phần âm nhạc, như đã nói ở trước. Âm thanh của cây Đa-la làm cho chúng sinh khởi năm dục trói buộc. Bốn bên của trùng các ấy có lầu báu để trấn thủ, phía Đông có hai mươi sáu, ba mặt còn lại, mỗi mặt có hai mươi lăm, tất cả là một trăm lẻ một chỗ. Mỗi một chỗ trấn thủ ấy có hình vuông, mỗi bề hai do tuần, chu vi tám do tuần, trên chỗ ấy lại có lầu báu cao nửa do tuần, dùng để nhìn xa. Mỗi một chỗ trấn thủ ấy có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ có bảy thể nữ. Ở trong lầu các có bảy vạn bảy trăm phòng nhà, trong mỗi một phòng có bảy Thiên nữ, mỗi một Thiên nữ cũng có bảy thể nữ. Thiên nữ ấy là chánh phi của trời Đế Thích. Ngoài chỗ trấn thủ và trong các phòng ốc, có tất cả bốn ức chín vạn bốn nghìn chín trăm chánh phi, ba mươi bốn

ức sáu vạn bốn nghìn ba trăm Thễ nữ phi và Thễ nữ, cộng tất cả là ba mươi chín ức năm vạn chín nghìn hai trăm. Ở vị trí trung ương phía trên cùng của trùng các Bì-thiên-diên-đa là nhà tròn rộng ba mươi do tuần, chu vi là chín mươi do tuần, cao bốn mươi lăm do tuần. Chỗ trú của Thích Đề Hoàn Nhơn đều do lưu ly làm thành, đất ở đó đều mềm mịn, các báu lấp đầy, ví như đất phía Bắc màu mỡ, mềm mịn như thảm; nhân, phi nhân, rồng thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà chẳng có đủ, cũng trang sức bằng các báu lộng lẫy, tròn đầy. Chỗ trú của Đế Thích cũng như vậy đều do lưu ly tạo thành, trang sức bằng các báu. Đất ở đó mềm mịn, chỗ nào chân dẫm vào thì liền in xuống, cất chân lên thì liền trở lại như cũ như thảm bông mịn và bông Đậu-la. Trú xứ Đế Thích cũng lại như vậy, dẫm chân vào thì liền in xuống, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, các hoa rải khắp, hương đốt thơm ngào ngạt, treo các áo trời và vòng hoa báu. Trú xứ như vậy là chỗ cùng trú của Thích Đề Hoàn Nhơn và Xá-chỉ-nữ A-tu-la; Hóa thân của Đế Thích và các phi cùng ở, tất cả các phi đều khởi suy nghĩ: “Đế Thích cùng ở với ta, chân thân Đế Thích cùng ở với Xá Chỉ”. Bốn bên trú xứ trong thành này có đường lớn, đường nhỏ, phố xá đều rất hài hòa, ngăn nắp. Thành của chư Thiên này, hoặc có trú xứ bốn nhà liền nhau, hoặc có trú xứ nhà nhọn nhiều tầng, hoặc có trú xứ lầu cao nhiều tầng, hoặc có trú xứ đài quán vút trời, hoặc có trú xứ bốn bên là để trấn thủ, tùy theo phước đức của mỗi chỗ mà các báu tạo thành, bằng phẳng đoan nghiêm. Đường trong thành cõi trời này có đến năm trăm đường, tứ phía thông nhau, đường ngang dọc ngay hàng thẳng lối, như đường cỏ xanh tươi, bốn cửa thông nhau, Đông Tây thấy nhau, đường xá phố chợ có hàng báu đầy khắp: Thứ nhất là chợ gạo, thứ hai là chợ áo quần, thứ ba là chợ các hương, thứ tư là chợ ẩm thực, thứ năm là chợ hoa, thứ sáu là chợ khéo tay, thứ bảy là chợ mỹ nữ, khắp nơi đều có chợ quán. Trong các chợ này, Thiên tử và Thiên nữ tới lui mua bán, thương lượng đất, rẽ, cầu xin tăng giảm, cân đong tính lưỡng, đủ các pháp của phố chợ. Tuy làm việc này, nhưng để vui chơi, không giữ, không cho, không tâm ngã sở. Nếu nhu cầu cần lấy thứ gì thì liền có thể lấy đi, nếu tương ứng với nghề nghiệp thì tùy ý mà lấy, nếu không tương hợp với nghề nghiệp thì liền có lời nói như vậy: “Vật này quý lạ, chẳng phải là vật ta cần đến”. Chỗ ngã tư đường được trang nghiêm bằng voi, ngựa, xe, binh và các Thiên tử dừng nghỉ ở trong ấy, hoặc để bảo vệ, hoặc để vui chơi, hoặc để trang nghiêm. Đường ở giữa chợ đều làm bằng lưu ly, mịn láng đáng yêu, các báu trang nghiêm, như thảm trải nền mịn màng tuyệt diệu ở đất Bắc; rồng

thú, cỏ cây đều nói như trước, cho đến đốt hương, rải hoa, treo các thiên y cũng là như vậy, lại có cờ phướn dựng khắp nơi. Trong Đại thành cõi trời có các âm thanh thường không đoạn dứt: tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng con ốc, âm thanh Ba-na-bà, tiếng trống, tiếng Mâu-trùng-già, tiếng Hồ-gia (dùng lá lau vắn lại để thổi, nhạc khí người Hồ), tiếng âm nhạc. Lại có âm thanh nói: “Thiện lai, Thiện lai, nay tôi xin cúng dường thức ăn, thức uống”. Đại thành Thiện Kiến này là trú xứ của Đế Thích, lại có Thiên châu, Thiên quận, Thiên huyện, Thiên thôn, diện tích chiếm khắp cả trên núi Tu Di. Đại thành Thiện Kiến này ở hai góc Tây và Bắc của nó từ cửa ra khỏi thành cách hai mươi do tuần. Chư thiên Đạo Lợi có Thiện Pháp Đường dài ba mươi do tuần, chu vi chín mươi do tuần, cao bốn mươi lăm do tuần, đều do lưu ly làm thành, đất rất mềm mịn, các báu xen lẫn đầy khắp, ví như thảm trải nền mềm mịn ở đất Bắc; nhân, phi nhân, rồng, thú, cây cỏ và các loài hoa không gì mà không có, cũng như ngọc châu đeo tai, các báu trang nghiêm trọn đủ đầy khắp. Diệu đường Thiện Pháp cũng lại như vậy, mềm nhẵn đáng yêu, dẫm chân vào thì liền in xuống, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, vô số sự trang nghiêm đã nói đầy đủ như trước. Diệu đường này có ba lớp thành bảo vệ bao bọc xung quanh: một là do chân kim tạo thành, hai là bạch ngân, ba là lưu ly. Mỗi một tầng ấy có ba lớp linh chuông báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh như năm phần âm nhạc, như đã nói ở trước. Âm thanh của cây Đa-la có thể làm cho chúng sinh khởi năm dục trói buộc. Chính giữa của Đường này có các trụ lớn bằng các báu sừng sững trên diệu đường, trên cùng của trụ ấy có bọc một lớp vàng lấm chấm như sương, hình cái khay và vô số vật trang nghiêm đều có đủ. Trụ lớn ở chính giữa chu vi một do tuần, đường kính một phần ba do tuần. Một rui (vuông và tròn) có mười sáu trụ, mỗi một trụ lại có mười sáu trụ vây quanh, mỗi một rui là chỗ chống giữ của hai trăm bảy mươi hai trụ. Phân các rui ấy làm ba phần, mỗi phần có bốn nghìn năm mươi hai vòng, ba phần là một vạn hai nghìn một trăm năm mươi sáu rui, tất cả đều có ba mươi hai ức sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai trụ. Trụ này từ dưới đất lên đến gần rui khoảng chừng một phát (một nghìn tấc). Vì nghĩa này nên Thiện Pháp đường này ở giữa không trung, không thể rõ biết, cửa bốn hướng của Pháp đường: một là chánh Đông, hai là chánh Tây, ba là chánh Nam, bốn là chánh Bắc. Ngoài Thiện pháp đường này, khắp nơi đều có hồ đại báu, nước trời chứa đầy; nhà cửa, thành quách, đá bờ đều được làm bằng gạch bốn báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, bốn bên cửa hồ ấy cũng dùng gạch báu làm đường, thêm bậc. Trong mỗi

một hồ có vô lượng hoa do năm báu: vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha, kha-lê-đa làm thành. Trong các hồ này có thuyền bốn báu bông bênh trong đó, lại có đủ tám loại khí cụ thủy hý: một là nhảy vào lầu nước, hai là dùng nước bẩy báu nhuần đượm rưới lên thân, ba là dùng khí cụ chặn nước để tạo ra âm nhạc, bốn là lấy nước bắn tung tóe để vui đùa, năm là bánh xe nước, sáu là nhà nổi, bảy là bánh xe chim báu, tám là lầu dây tơ tợ quấn quanh và đong đưa, trong đó chư Thiên nam, nữ chèo thuyền du hý. Lúc ấy thuyền báu tùy theo ý muốn mà nhanh hay chậm. Các hoa trong hồ không tự nhiên tự đến trang nghiêm thân trời, cho đến có nhiều cung điện chư thiên thấy đều biến khắp cũng là như vậy. Ngoài Thiên Pháp Đường này có vườn rừng lớn, có thành vàng vây quanh, chu vi một nghìn do tuần. Cửa thành này cao hai do tuần, thành thấp ở trên cao nửa do tuần. Cửa thành này cao hai do tuần, rộng mười hai do tuần. Mỗi một cửa có chín mươi chín cửa và một cửa nhỏ. Các cửa này do các báu làm thành, trang nghiêm bằng diệp bảo Ma-ni, ví như đất Bắc mềm mịn, tốt tuyệt đẹp như thảm, vô số vật khắc chạm trang sức. Cửa này lại có bốn quân phòng vệ như đã nói trên. Bảy lớp hàng rào bằng cây báu ở ngoài cũng nói như trên. Bảy lớp rừng cây Đa-la vây quanh cũng nói như trên. Chính giữa cây ấy có các hồ báu có vô số vật trang nghiêm cũng nói như trên. Năm loại hoa báu cũng nói như trên và thuyền bốn báu cũng nói như trên; bờ của hồ và năm loại cây báu cũng nói như trên, cho đến cung điện bốn trú là chỗ trú của chư Thiên nam nữ. Bên ngoài thành có ba lớp hào báu cũng nói như trên. Mỗi một hào rộng hai do tuần, sâu một do tuần rưỡi, hình như miệng bình, dưới rộng trên hẹp, nước trời tràn đầy cũng nói như trên. Giữa hào này có các thể nữ, cung điện bày khắp. Ngoài ba lớp hào có rừng cây bảy báu vây quanh cũng nói như trên. Lúc ấy, trong rừng phía ngoài, tất cả các hoa nở rộ tươi đẹp, các Thiên nữ ca tấu âm nhạc. Lúc ấy, các Thiên tử từ ngoài pháp đường đi vào trong vườn này cùng lắng nghe và ngắm nhìn. Thiên tử trong đó lúc tấu âm nhạc, các Thiên nữ cũng từ Thiên pháp đường đi ra vườn lắng nghe và nhìn ngắm. Vì vậy mà chư Thiên nam, nữ thường thọ vui đùa. Từ cửa phía Tây Bắc Đại thành ấy đến cửa Thiên pháp đường cách hai mươi do tuần, rộng mười do tuần, đất ở đó bằng láng và do lưu ly làm thành, mềm mịn đáng yêu, các báu trang nghiêm, giống như đất Bắc tuyệt đẹp mềm mịn như thảm; nhân và phi nhân, voi, ngựa, hoa, cây, nhiều loại đầy đủ, lại như vòng đeo tai do các báu hợp thành. Đường đi ở đó cũng vậy, chân dẫm lên liền in dấu, cất chân lên thì liền trở lại như cũ, như bông Đâu-la và bông làm bằng cây, đường ấy mềm

mịn cũng lại như vậy. Có ba loại thành bảo vệ bao bọc xung quanh rất trang nghiêm, mỗi một lớp đều do bốn báu tạo thành, mỗi một lớp ấy đều có ba tầng linh báu vây quanh, mỗi một linh báu đều do bốn báu tạo thành, gió nhẹ thổi động, phát ra âm thanh có thể làm cho Chư thiên khởi lên năm dục ràng buộc. Hai bên đường này có hai con sông tên là Trường Hình, dài hai mươi do-tuần, rộng mười do-tuần, nước tám công đức tự nhiên tràn đầy. Hai bên sông ấy đều do gạch bốn báu kiến tạo cảnh quan, ngoài ra cũng đều nói như trên. Bốn bên sông ấy đều có đường và bậc thềm bốn báu cũng nói như trên. Trong sông này cũng có hoa năm báu, cũng nói như trên. Có thuyền bốn báu bông bênh trong đó, đủ tám khí cụ trò chơi nước, chèo thuyền du hí, nhanh chậm tùy theo ý muốn đều nói như trên. Chư thiên trong đó nếu cần hoa nào thì liền tùy theo ý hoa ấy sẽ đến. Nhờ quả báo thiện nên mưa xuống các hoa báu rải khắp chư thiên. Lại có gió khác thổi các vòng hoa đến, tùy theo chỗ cần của các phần thân Chư thiên mà trang nghiêm: thân, tay, đầu, chân tự nhiên được tùy ý mang vòng hoa vào. Phía ngoài hai bờ sông có cây năm loại báu, khắp nơi thẳng tắp cũng nói như trên. Ở giữa cây ấy có các hồ báu và cung điện báu, chư thiên nam nữ trú ở trong đó, vô lượng và vô số nhiều khắp, lúc ấy chư thiên Đạo Lợi muốn vào vườn này. Thiện Pháp đường ấy có ngọn gió tên là Hợp Tụ, vì có thể tụ hội nên có thể thổi hoa khiến cho ra ngoài, đất ở đó sạch sẽ, lại không có hoa héo. Lại có ngọn gió khác tên là Thế Đạo thổi vào khu vườn rừng phía ngoài và hái các hoa tươi ở ao hồ, hoa có các màu là xanh, vàng, đỏ, trắng. Hái hoa xong rồi, lúc đó gió Hợp Tụ tụ hợp các hoa này vào trong Thiện Pháp đường, bày khắp trên đất chỗ ấy và tạo ra các hình tượng, hoặc hiện ra hình cây tích tượng vàng bạc, hoặc hiện ra hình hoa sen, hoặc hiện ra hình tấm thảm, hoặc hình con dê sữa, hoặc hình sư tử hỷ, hoặc hiện hình tượng: voi, ngựa, xe, bộ binh..., hoặc hiện ra hình các thú vật: nai... hoặc hiện ra Long mã Ca-lâu. Theo thứ tự này mà hiện vòng khắp đất Thiện Pháp đường, hoa dày đến gối, trang nghiêm đầy đủ. Lúc ấy chư thiên vây quanh Đế Thích, lấy sự cung kính làm đầu, vào trong vườn này. Hai bên trụ trong cung của Thiện Pháp Đường có tòa sư tử, Thích Đề Hoàn Nhơn ngồi trên tòa này, hai bên tả hữu mỗi một bên có mười sáu Thiên Vương ngồi thành hàng. Ngoài ra Chư thiên khác tùy theo phẩm vị cao thấp của mình mà ngồi tuần tự. Lúc ấy, Trời Đế Thích có hai thái tử: một người tên là Chiên Đàn một người tên là Tu-tỳ-la. Trời Đạo Lợi này có hai đại tướng quân ở tại tầng trời Ba mươi ba, ngồi hai bên. Lúc ấy Thiên Vương Đề-đầu-lại-tra người ngồi ở cửa

Đông cùng các đại thần và quân chúng cung kính Chư thiên được vào trong ngôi. Thiên Vương Tỳ-lưu-lặc-xoa ngồi ở cửa phía Nam cùng với các đại thần và quân chúng cung kính chư thiên được ngồi vào trong. Thiên Vương Tỳ-lưu-bát-xoa ngồi ở cửa Tây cùng với các đại thần và quân chúng cung kính Chư thiên được ngồi vào trong. Thiên vương Tỳ sa môn ngồi ở cửa Bắc cùng với các đại thần và quân chúng cung kính chư thiên được ngồi vào trong. Tứ thiên Vương này ở trong Thiện Pháp đường tấu cho trời Đế Thích và Đạo Lợi nghe về việc thiện, ác của thế gian.

Lúc ấy, Thế Tôn nói việc như vậy: “Này Tỳ-kheo! Ngày mồng tám mỗi tháng, Tứ Thiên Vương cùng với đại thần này đi khắp thế gian, tuần tự quán sát. Ở trong ngày này, hoặc nhiều, hoặc ít, tất cả mọi người thọ trì tám giới, hoặc nhiều hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều hoặc ít tu hành phước đức, hoặc nhiều hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bậc tôn trưởng trong nhà.

Này Tỳ kheo! Ngày mười bốn mỗi tháng Tứ Thiên Vương cùng Thái tử đi khắp thế gian tuần tự quán sát. Ở trong ngày này, hoặc nhiều, hoặc ít, tất cả mọi người thọ trì tám giới, hoặc nhiều, hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều, hoặc ít tu hành phước đức, hoặc nhiều, hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bậc tôn trưởng trong nhà. Này Tỳ kheo! Ngày rằm mỗi tháng lúc ấy Tứ Thiên Vương tự một mình đi khắp thế gian, tuần tự quán sát. Ở trong ngày này hoặc nhiều, hoặc ít, tất cả mọi người thọ trì tám giới, hoặc nhiều, hoặc ít đều hành bố thí, hoặc nhiều, hoặc ít tu hành phước đức, hoặc nhiều, hoặc ít cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, bậc tôn trưởng trong nhà. Những ngày hắc bán (23, 29, 30) trong tháng cũng vậy.

Này Tỳ-kheo! Nếu lúc ấy không có nhiều người thọ trì tám giới, hoặc không có nhiều người tu hành bố thí, hoặc không có nhiều người tu hành phước đức, hoặc không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng trong nhà. Này Tỳ-kheo! Lúc trời Đạo Lợi ngồi ngay ngắn trên Thiện pháp đường thì Tứ Thiên Vương đến chỗ Pháp đường ấy thăm hỏi Đế Thích, và trình bày về các việc thế gian. Họ bạch rằng: “Bạch Thiện Tôn! Ở thế gian không có nhiều người thọ trì tám giới, không có nhiều người tu hành bố thí, không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà”. Lúc chư thiên Đạo Lợi và Thích Đề Hoàn Nhơn nghe việc này rồi, sinh lòng buồn rầu và nói như vậy: “Việc này chẳng thiện, việc này chẳng như pháp”. Nếu mọi người không thọ tám giới, không có nhiều

người hành bố thí, không nhiều người tu hành phước hạnh, không có nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà thì quyền thuộc chư thiên ngày càng ít dần, bè đảng Tu-la ngày càng tăng lên. Nay Tỳ-kheo! Nếu có người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu phước đức, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà thì lúc đó Tứ Thiên Vương đến chỗ pháp đường thăm hỏi Đế Thích và nói về việc thế gian. Họ thưa rằng: "Bạch Thiện Tôn! Có rất nhiều người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu hành phước hạnh, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà. Lúc Trời Đao Lợi nghe Tứ Thiên Vương nói liền sinh lòng hoan hỷ, nói như vậy: "Việc này quá tốt, việc này như pháp". Nếu có nhiều người thọ trì tám giới, nhiều người tu hành bố thí, nhiều người tu hành phước hạnh, nhiều người cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc tôn trưởng trong nhà thì quyền thuộc chư thiên ngày càng nhiều lên, bè đảng Tu-la ngày càng ít đi. Nay Tỳ-kheo! Lúc ấy, Thích Đề Hoàn Nhơn ngồi xuống chỗ của mình, chỗ ngồi của trời này ở ngay chính giữa, tùy theo tâm của trời mà khiến cho họ được hoan hỷ và nói kệ:

*Mỗi tháng có các ngày:
Mồng tám và mười bốn,
Mười lăm và hai ba,
Hai chín và ba mươi.
Mười lăm ba thời chay,
thọ trì tám phần giới,
sửa tâm thân nhiếp tịnh,
Hoặc thọ trì bố tát
Người này tu bảy pháp
Tương lai sẽ như ta.*

Nay Tỳ-kheo! Kệ của Thích Đề Hoàn Nhơn này là tà ca chứ chẳng phải là thiện-ca, là tà ngôn chứ chẳng phải thiện ngôn. Vì sao như vậy? Vì Thích Đề Hoàn Nhơn này chưa giải thoát sinh, chưa giải thoát lão, chưa giải thoát tử, chưa giải thoát ưu, chưa giải thoát bi, chưa giải thoát khổ, chưa giải thoát não, chưa giải thoát ngũ ấm. Nay Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo thành A-la-hán, diệt tận các lậu, tu đạo rốt ráo, chánh trí giải thoát, hết kiết sử các cõi, Tỳ-kheo như vậy nếu nói kệ này là nói thiện ngôn:

*Mỗi tháng có các ngày:
Mồng tám và mười bốn,*

Mười lăm và hai ba,
 Hai chín và ba mươi.
 Mười lăm chay ba thời
 Thọ trì tám phần giới,
 Sữa tâm thấu nhiếp tịnh.
 Hoặc thọ trì bố tát,
 Người này tu bảy pháp
 Tương lai sẽ như ta.

Này Tỳ-kheo! Kế Tỳ-kheo này mới là thiện ca, chẳng phải tà-ca, mới là thiện ngôn, chẳng phải tà ngôn. Vì sao như vậy? Tỳ-kheo này đã giải thoát sinh, đã giải thoát lão, đã giải thoát tử, đã giải thoát ưu, đã giải thoát bi, đã giải thoát khổ, đã giải thoát não, đã giải thoát ngũ ấm, liền nói kệ rằng:

Tứ vương, đại thân này,
 Mong tám tuần thiên hạ.
 Thái tử Tứ Thiên Vương,
 Mười bốn xem thế gian.
 Tốt nhất ngày mười lăm.
 Tứ Vương thích tiếng thơm.
 Nên tự hành thế gian,
 Quán sát các thiện ác.
 Lúc ấy Tứ Thiên Vương,
 Lên chỗ Thiện pháp đường,
 Nơi Chư thiên tụ hội,
 Tấu trình các thiện, ác.
 Ý người thế gian này,
 Tương ứng với đạo pháp.
 Thiện Tôn! Có nhiều người,
 Hành thí thọ bố tát,
 Theo chân thường tu thiện,
 Nam, nữ thêm phước thiện.
 Lúc ấy trời Đao Lợi,
 Tin nhận rất hoan hỷ,
 Luôn luôn sinh tùy hỷ,
 Tứ Đại Vương khéo nói.
 Vui quyến thuộc chư thiên,
 Càng ngày càng nhiều thêm,
 Mong bề đảng Tu-la

Càng ngày càng giảm đi
 Tùy nhớ niệm Chánh giác
 Thuyết Thánh chúng chánh pháp
 Chư thiên trú an vui,
 Tâm thường sinh hoan hỷ.
 Quả thế, xuất thế gian
 Nhân đạo có thể đắc.
 Nếu nương Phật Pháp Tăng,
 Trú nơi cảnh Tam Bảo.
 Nay Ta sẽ vì các người
 Nói thiện đạo Tam hiền:
 Nếu người cầu chân thật,
 Bỏ ác tu hành thiện
 Không ích lợi như trên,
 Do ít thân được nhiều.
 Như các trời Đạo Lợi
 Hành ít thiện sinh Thiên.
 Để Thích cùng chư thiên
 Tiếng thơm, đại phước đức
 Tụ tập Thiện pháp đường
 Cùng các trú xứ khác
 Nam nữ hành thiện tốt
 Nghe tứ vương tấu trình
 Thanh tịnh, Trời yêu thích
 Huân tập khắp chư thiên.

Các Thiên tử này có các hình sắc không đồng, y phục cũng khác, các báu trang nghiêm vô số khác biệt. Trong Thiện Pháp Đường, hoa báu bốn sắc, hoa và người sáng tỏa, chiếu nhau rực rỡ, ví như các báu đầy khắp trong nhà báu. Thiện pháp đường ấy đáng yêu như vậy. Vì sao cung đường này gọi là Thiện pháp? Vì trong đó chư thiên tụ tập, nhiều người khen ngợi Phật, khen ngợi Pháp, khen ngợi Tăng, phân biệt việc tà chánh thế gian, tuyên nói vô số đạo xuất thế ở các nơi: Như vườn v.v... không đâu có những việc như vậy, nên gọi chốn này là thiện pháp. Việc này Đức Thế Tôn nói, tôi đã nghe như vậy.

